

# DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

## QUYỂN 16

(Bản Luận 61, 62, 63, 64, 65, 66)

### BẢN LUẬN 61

“Xuất Ái vương”, Cựu dịch nói là Ưu Điền vương, chánh âm Phạm là Ôn-đà-diễn-thủy Phạt-sa (Ôn-đà-diễn-thủy dịch là Xuất, Phạt-sa dịch là Ái), dịch Ưu Điền là sai.

**Luận ghi:** “Không giống như con”, là người hạ tiện, vì sinh cùng với vua nhưng không giống nhau. “Giống như con”, là thật con của vua, vì cùng với vua tương tự nhau, vì hình dáng và uy nghi cùng với cha giống nhau, người người đều yêu mến, không có lời mắng chửi hay bao dung.

**Luận ghi:** “Tại sao chỗ tùy thuận của nhiều khổ mà khổ là sinh Na-lạc-ca và xưa nay khổ trong đường Ngạ quỷ”, cho đến “gọi là chỗ tùy của nhiều khổ mà khổ”, trong đây đáng lẽ nói là một phần Bàn sinh thọ khổ, cũng là từ trên đến đây có vài đoạn văn này, nhưng trong đây căn cứ theo phần nhiều thọ khổ mà nói, vì Bàn sinh thọ khổ ít hơn Quỷ. Khổ sinh lão bệnh tử này, hãy xem Bản Địa quyển 10 ở trước, và kinh Duyên Khởi phân tích rộng.

**Luận ghi:** “Tại sao Ngũ thủ uẩn khổ phải biết khổ này cũng do năm tướng Sinh khổ khí, cho nên nương vào Sinh khổ khí”, là nương vào Khổ khí này mà Sinh khổ được sinh, vì là Khí sinh khổ, cho nên nói là Sinh khổ khí, nương vào đó để sinh sáu Khổ khác, là Lão khổ... tổng gọi là Sinh khổ y khí. Nương vào Khí này sinh khổ, cho nên nói là Sinh khổ y khí, hoặc đây là Khí sinh khổ, sáu Khổ còn lại thì nương vào Sinh khổ khí mà sinh, gọi là Sinh khổ khí, sáu Khổ còn lại nương vào Sinh khổ khí mà có, đây là Sinh khổ làm Khí, hợp chung mà nói thì gọi là Sinh khổ khí. Hoặc thứ nhất là Sinh khổ, thứ hai là Sinh tất cả khổ khí, hợp chung mà tổng gọi là Y sinh khổ khí.

**Luận ghi:** “Thọ cụ túc chi là Tánh giới chi, thọ Tùy pháp chư học

xứ chi là khi thọ giới, cuối cùng nói là Tứ y... Tùy hộ tha tâm chi là uy nghi che lấp giới. Ba loại này là thọ giới tùy hộ như chỗ thọ chư học xứ trước kia”, nói là Tùy giới, tức là tùy theo thọ hai giới. Điều này sư Bị nói: “Như quyển 53 trước đã giải thích, nói là trong Luật nghi có bốn chi này, tức là bốn chi giới của Bí-sô, sáu chi làm bốn chi”, khác với luận này, giải thích trước nên phản đối.

“Mười thứ Chúng hữu tình đối với mười thứ pháp Ái lạc hỷ duyệt”, thứ tự phối hợp có thể biết. Hiền Dương giải thích Phát nghiệp có ba loại:

1. Tương ứng phát, là sát-na đồng khởi.
2. Thân sinh phát, là nhân thân cận đồng khởi.
3. Tăng thượng phát, là nhân xa đồng khởi.

Lại dẫn các phiến não khác mà phát nghiệp, hoặc là loại thứ nhất nhiếp hết, loại thứ ba Tăng thượng thì phải nhiều phiến não mới phát. Từ đây trở lên bốn quyển, từ quyển 58 trở lại, là ba Địa của Tâm và Tứ.

-----

## BẢN LUẬN 62

### Các Địa Tam-ma-tư-đa

Trong đây gọi là Tỳ phiến não, tùy gây phiến não cho tâm gọi là Tỳ phiến não, cũng tùy theo phiến não mà sinh gọi là Tỳ phiến não. Trong đây có hai giải thích, hoặc là Tâm sở nhiễm ô, tùy theo phiến não của người khác mà sinh, như phẩm Tỳ Miên của Câu-xá. Nói Tâm sở hành uẩn, đều là trong đây căn cứ theo trước, như trong Tạp Sự, tất cả đều như vậy. Nhưng căn cứ theo loại thù thắng, thì luận này chỉ nói hai mươi hai loại Tỳ phiến não, trong đây chỗ có ngoài hai mươi hai loại, không nêu ra Thể của hai mươi hai loại, vì thu nhiếp lẫn nhau, tìm hiểu có thể biết. Như “Kiêu lấy Siểm cống làm Thể” trở xuống, nói rằng: “Vì sức tăng thượng của Cống siểm trong đây” trở xuống, đây là nói nguyên nhân Thể tăng thượng tiến về phía trước mà đi, là thọ lợi dưỡng khi người khác tỉnh, hoặc ở trước mà hành. “Thể nào là lìa Thiện ách? Là viễn ly Biên tế ngọa cụ, và lìa chỗ tập tành gần gũi chúng ác, nhà tự Tịch tĩnh vứt bỏ lìa xa nó, không sinh ưa muốn”, nói “Biên tế ngọa cụ”, tức là bờ mé ác của Cực ác ngọa cụ, nương vào Năng viễn ly này, gọi là viễn ly Biên tế ngọa cụ. Lại nữa, giải thích Biên tế ngọa cụ, tức là Ngọa cụ tối thắng thứ nhất, có thể xa lìa Ái ố ngọa cụ này, gọi là Viễn ly biên tế ngọa cụ. “Xa lìa nhà tự Tịch tĩnh”, là nơi đầy đủ nhàn rồi yên tĩnh tương tự nhà Tịch tĩnh, là nơi luyện tập khổ... tức là nơi xa vắng, mà vứt bỏ nó thì gọi là lìa Thiện ách. Lại cũng giải thích đây là nơi khởi dâm dục, là chỗ tập tành gần gũi nhiều ác, gọi là nhà tự Tịch tĩnh, phải xa lìa nó mà không sinh ưa thích, có ý xả bỏ gọi là xa lìa Thiện ách.

**Luận ghi:** “Tu mười Biến xứ có thể làm thành năm sự...” sư Bị nói: “Năm sự là do tám Biến xứ ở trước có thể dẫn phát ba sự: Hóa sự là một, Biến sự là hai, thần thông của chư Thánh là ba. Đây là ba sự có thần thông. Vì Không nhất thiết xứ cho nên có thể dẫn phát chư Thánh thần thông qua lại vô ngại là bốn. Vì Thức nhất thiết xứ cho nên dẫn phát Vô tránh... các công đức thù thắng là sự thứ năm”, chính văn dưới giải thích sự thứ năm là công năng của Thức nhất thiết xứ, nếu căn cứ theo văn thể của lý này thì “trong tám sự dẫn phát ở trước”, nói là “chư Thánh thần thông”, riêng làm một sự; trong “Không xứ dẫn phát”, nói là “Chư thánh thần thông qua lại vô ngại”, câu nói Chư thánh thần thông, phải riêng có Thể làm một. Luận này giải thích: “Tám sự dẫn phát ở trước” làm một; “Hóa sự và Biến sự” chỉ là một vật vốn không vốn có làm Di; “Không nhất thiết xứ dẫn phát thần thông qua lại vô

ngại ” làm sự thứ hai; trong “Thức xứ dẫn phát” có ba sự là năm sự: Công đức vô ngại giải... là một; Thành biện vô sở hữu giải thoát, Phi tướng giải thoát và Diệt tận giải thoát là hai; Vô biên vô lượng biến mãn hạnh chuyển là ba.

Hỏi: Tại sao Biến mãn giải thoát lại riêng có chữ “lại nữa” hợp chung với Vô sở hữu... làm một?

Đáp: Vì văn thế như vậy, chỉ có Thức xứ có ba sự, văn trên văn dưới đều nói “do Thức vô biên xứ này”, mà nói rằng “trong Diệt tận giải thoát này không có”, chỉ nói “do Thành mãn nhân này”, tức là do nhân này mà làm thành đầy đủ các nhân của Vô sở hữu, cho nên biết hợp chung làm một, vì là loại Giải thoát, cho nên nghĩa nói rằng: “Thức xứ có ba sự: một là Dẫn phát Vô tránh trí, hai là Vô sở hữu phi thông địa giải thoát, ba là Diệt tận giải thoát. Nói “Vô biên vô lượng biến mãn hạnh chuyển”, đây là tổng kết Thức xứ ở trước đã làm thành, “được các công đức” trở xuống, đều là nghĩa tổng quát. Các công đức này, Hiền Dương quyển 20 ghi: “Hỏi: Tại sao thành tám Biến xứ ở trước, là dẫn phát Hóa sự hay là Biến sự? Đáp: Vì Biến xứ ở trước, trong cảnh sắc mà được tự tại, cho nên dẫn phát Hóa sự và Biến sự. Hỏi: Xứ này có chướng ngại thần thông, chưa đắc Không xứ định đồng thời, nương vào Đệ tứ thiền mà đắc, lẽ nào không đắc Hóa sự và Biến sự? Đáp: Phỏng theo dụng thù thắng mà nói thì các phạm phu chưa đắc tám Biến xứ ở trước. Hỏi: Làm thế nào đắc Không biến xứ mà dẫn phát thần thông qua lại vô ngại? Đáp: Vì thần thông không có Sắc cho nên có thể dẫn qua lại vô ngại”, do đó Đối Pháp quyển 13 ghi: “Vì đắc Vô sắc định phục trừ Sắc tướng, vì Vô sắc có thể trừ Sắc”. Nếu chứng đắc qua lại vô ngại, chưa đắc Không xứ thì cũng đắc, nhưng chướng thì chưa hết. Luận này phỏng theo Xứ của Định chướng dứt tận mà nói, phải đắc Không xứ để đoạn trừ chướng.

Hỏi: Tại sao tu tập Thức biến xứ, để dẫn phát các công đức thù thắng của Vô tránh nguyện trí...?

Đáp: Các công đức pháp đều là công đức của tâm thức, đều là tâm pháp, do Thức xứ đắc tự tại, tức là Như thức làm cảnh mà đắc tự tại, sau đó nương vào Đệ tứ tĩnh lự mà dẫn phát Vô tránh trí này, thần thông qua lại vô ngại ở trước cũng nương vào Tứ thiền, phải nương vào Không xứ mà trừ chướng ngại Sắc, lại nhập vào Đệ tứ tĩnh lự mà qua lại vô ngại. Tuy có đắc Không biến xứ... mà được qua lại vô ngại, đây không phải là tăng thắng mà nói, vì Định sắc chướng ngại chưa trừ hết cho nên có xứ và có ngại, luận này căn cứ theo chỗ thù thắng là tất cả xứ đều vô ngại.

Lại nữa, Vô lượng biến mãn hạnh chuyển”, là Hành thức xứ này, khởi vô lượng vô biên quán cho nên vô biên hạnh, xứ này rất ráo cho nên càng không lập Biến xứ và Thắng xứ. “Biến xứ là các Giải thoát năng thanh tịnh đạo”, là lấy Giải thoát làm quả, lấy Thắng xứ và Biến xứ làm Tiền phương tiện. Đối Pháp cuối quyển 13 nói: “Nương vào Giải thoát mà tu tạo các Thắng xứ, cho nên khởi Gia hạnh, Biến xứ do đó mà hoàn thành viên mãn, vì thành mãn cho nên tức là Giải thoát Cứu cánh, đồng với Tát-bà-đa, Giải thoát chỉ có nương vào mới bắt đầu tu, phải trước hết nương vào một phần Giải thoát mà nắm lấy Đoạn chướng. Biến xứ chỉ có quả, cho nên ở cuối sau Tu đoạn, Thắng xứ thông với nhân quả cho nên ở sau Giải thoát. Biến xứ ở trước Tu, tức là văn của Đối Pháp, trước luận này thì chỉ lấy Giải thoát làm quả, Thắng xứ và Biến xứ làm Nhân, đồng với Thành Thật luận. Thành Thật luận kia ghi rằng: “Biến xứ kia làm nhân, Giải thoát kia làm quả, Thắng xứ thông với nhân quả ở sau Tu”, nếu khởi thứ tự như vậy thì đồng với luận này. Lại nữa, Đối Pháp ghi: “Giải thoát Cứu cánh đạo, Tát-bà-đa phỏng theo lúc mới bắt đầu”, là mới tu mới tập, khi tu thì lấy Giải thoát làm đầu, cho nên Đối Pháp ghi: “Nương vào Giải thoát mà tạo tác tu hành”, vì nương vào Giải thoát mà đoạn chướng, Thành Thật luận thì phỏng theo thời sau cùng, là thời rất ráo phải thành tựu Thắng xứ và Biến xứ, thì Giải thoát mới viên mãn, vì lấy Giải thoát làm quả. Luận này thì ghi: “Thắng xứ Biến xứ là Giải thoát năng thanh tịnh đạo”, Đối Pháp cũng ghi: “Biến xứ thành mãn thì Giải thoát liền rất ráo”. Trong đây căn cứ theo thời rất ráo mà nói, trong đây hòa hợp như vậy, phần lớn tương đương với Đạo lý, gom hết các văn.

**Luận ghi:** “Lại nữa, các Giải thoát do chỗ hiển Giải thoát của Sở tri chướng, do đây mà các Thanh văn, Độc giác... đối với Tâm sở tri chướng mà chứng đắc Giải thoát...”, đây là Biến dịch và Bất biến dịch. Thọ Dị thực sinh tức là pháp Bạch tịnh vô ký, vì chướng sở tri cho nên là loại Sở tri chướng. Lại nữa, thông với Thọ nhiễm thì chỉ chướng Sở tri cho nên được tên là Sở tri chướng, Nhị thừa đoạn chướng này, gọi là đoạn Sở tri chướng.

**Luận ghi:** “Đại khái do tu Đẳng chí”, là Ái đẳng chí: 1. Khi đã đắc Định rồi xuất, mới ưa thích Đẳng chí quá khứ. 2. Hoặc là chưa chứng đắc Ái vị của vị lai mà ưa thích Định vị lai; hoặc đã đắc Cận phần định mà ưa thích ái vị Căn bản vị lai; hoặc đã đắc hạ phẩm mà ưa thích mùi vị của thượng phẩm, do lực tăng thượng của Ái vị truy cầu Định vị lai... mà sinh Ái vị. 3. Đã đắc Cận phần định và Căn bản định, tùy theo mỗi

một thứ mà cùng với Định tâm xuất nhập, Định tâm tương tự không trừ Tán loạn vị mà khởi Ái vị, dưới đây giải thích chỗ có hại, nói rằng: “Từ Định mà xuất thì có thể sinh Ái vị, đang ở trong Định thì không có Ái vị, Ái vị là Nhiễm, Định là Thiện.

**Luận ghi:** “Hoặc sinh vào Địa cõi dưới mà đối với cõi trên khởi Ái là tâm không Định vì chưa được lìa Dục, phải biết Ái này là sự trói buộc của cõi Dục”, là ba tướng nói trên trong Ái vị, tướng thứ nhất là đắc Định ái vị, tức là tham của cõi Dục, là duyên cõi trên mà sinh tham, làm duyên của cõi khác, không đồng với tâm duyên Định cõi trên của Tiểu thừa, đều gọi là Thiện pháp Dục, vì Nhiễm và Bất nhiễm trong tâm đó, tướng trạng như trong văn nói, tức là đồng với quyển 59 ở trước. Địa cõi trên duyên cõi dưới, các Địa cõi dưới được duyên lẫn nhau, luận này cũng ghi: “Khi ta đang đắc, thì Ái vị như vậy, tức là duyên cõi trên, gọi là Tướng phần của tự tâm”. Chưa đắc thoái chuyển, tức là chưa đắc pháp thì không thể khởi Đắc, cho nên gọi là thoái chuyển; đã đắc thoái chuyển, tức là đã đắc thoái chuyển rồi khởi phiền não; Tập hạnh thoái chuyển, là pháp Sở đắc hiện tại không khởi, gọi là thoái chuyển.

Hỏi: Nếu hai thoái chuyển sau khác nhau thì thế nào?

Đáp: Thánh nhân đã đoạn Hoặc chủng rồi thì thoái chuyển khởi hiện tiền, mất các công đức, gọi là đã được thoái chuyển; hoặc chỗ có công đức của chư Thánh nhân không được đồng thời sinh, gọi là Tập hạnh đã thoái chuyển, vì chỉ không khởi phiền não, không đồng với đã đắc Thoái chuyển.

**Luận ghi:** “Nếu là Thắng tấn đạo, thì nên biết Đạo đó là Sở duyên biến mãn, hoặc là Vô lậu duyên...”, là nương vào Cận phần phước thiện, Vô gián và Giải thoát, ba Đạo của Tứ thiền, mà quán sáu Địa cõi dưới là tội lỗi, quán các Địa cõi trên là Tịch tĩnh, chỉ có Thắng tấn đạo thứ tư, hoặc khởi sở duyên biến mãn nhất thiết pháp Vô ngã là Hữu lậu. “Hoặc khởi Đế hiện quán là Vô lậu mà duyên đối với cõi trên”, đây là Du quán vô lậu, hoặc là Dục đoạn, hoặc là quán, tùy là quán của Địa nào, thì đều làm Vô lậu của Địa đó.

**Luận:** Trong bảy Tác ý nhiếp bốn Đạo, như chỗ dẫn tướng trong Đối Pháp quyển 9, hãy xem nó.

**Luận ghi:** “Hoặc chỗ nhiếp thọ của Quyết Trạch phần và chỗ hiển Tịch lự của ba môn giải thoát Không, Vô nguyện, Vô tướng, phải biết là Đệ tứ tĩnh lự”, tức là Định xuất thế gian, vì Quyết Trạch phần là Hữu lậu; Không, Vô Nguyện... ba môn giải thoát là Kiến đạo vô lậu, vì do Quyết Trạch phần mà đắc Không... ba môn giải thoát. Nói rằng: “Chỗ

nhiếp thọ”, là trong Quyết Trạch phần tuy có Không... nhưng không gọi là Giải thoát môn, làm sao biết được? Như Hiển Dương quyển 2 ghi: “Giải thoát môn chỉ là Vô lậu tu, như nêu ra Trạch Phần có thể dẫn phát, để nắm lấy chỗ nhiếp thọ Vô lậu”, tức là vì y vào giải thoát môn kia mà đắc, cho nên tu Quyết Trạch phần. Y là ý chí tìm cầu chỗ y tựa, lấy chỗ tìm cầu làm chỗ y, cho đến thứ nhất vì đắc Cận phần mà tu... Lại nữa, Không, Vô nguyện... ngay trong Quyết Trạch phần mà khởi hạnh Giải thoát xuất thế gian, gọi là Định xuất thế gian, từ hạnh giải của quả mà đặt tên, gọi là Giải thoát môn. Trong đây, nghĩa thứ nhất là nghĩa chính, nghĩa thứ hai là giải thích tổng quát.

“Diệt tận định thì Bồ-tát Viên địa có thể nhập”, nghĩa chính có một giải thích, nói rằng: “Viễn hành là Địa thứ bảy, vì khởi Vô tướng hạnh cho nên mới có thể nhập, Địa thứ sáu trở về trước thì còn khởi phiền não, chưa chế phục được Định chướng, nhập Địa thứ bảy của Bồ-tát thì phiền não trong ba cõi đều được chế phục mà đắc Định đó. Từ chỗ thù thắng mà nói, thật ra như Phật Địa luận: “Thẳng đến Sơ địa cũng nhập”. Như Du-già quyển 8 ghi: “Tuy Địa có thể bảy Địa, nhưng có thể niệm niệm mà nhập”, luận kia giải thích đại khái khác nhau. Lại nữa, giải thích Viên địa, luận này nói tức là Sơ địa, vì hành Gia hạnh gọi là Viên địa, không phải là Viễn hành địa, Nhập địa tức là Bồ-tát, cho nên như Viên địa, tức là Sơ địa. Bồ-tát tuy khởi thiện pháp xuất thế để khiến cho Định này hiện tiền, do phương tiện lợi sinh thiện xảo, không xả bỏ phiền não mà khởi tâm không dứt, Cựu luận ghi là “còn lậu hoặc”, đây là hư ngôn. Trong đây căn cứ theo “thẳng đến” mà nói, người lãnh hội xa như trước Thập địa thì cũng đắc. Lại nữa, Đại Nghĩa ghi: “Viễn địa, tức là người nhập mười Giải tâm cũng chứng đắc Diệt định”, Diệt định là tương tự Vô lậu, Thế là Hữu lậu, luận này ghi: “Không phải Dị sinh và Hữu lậu”, là không phải tất cả Dị sinh và khắp Hữu lậu như thế, hoặc là Dị sinh nhập vị khởi Niết-bàn tướng mới đắc, hoặc Bồ-tát đã đắc chế phục Định chướng thực đắc, thì Hữu lậu cũng là Vô lậu. Nhị thừa xưa nay là Vô lậu, vì không thể chế phục Định chướng đắc, nếu người đã đoạn Định chướng đắc của Tứ thiền trở lên thì không có hại, đây không phải là Sở hành, mà giả gọi là Phi học vô học, vì ở giai vị học đạo đã đầy đủ, Vô học đạo đã đắc viên mãn, cho nên cũng đáng lẽ nói là Học và Vô học.

“Sáu loại Tác ý”, tức là trong bốn Tác ý của Chánh tri... nói trên, Tác ý thứ hai làm ba Tác ý, như văn đã nói, từ Sở đoạn trở lên, tìm văn thì hiểu.

“Nương vào ba xứ”, là Tăng thượng tâm. Một là Văn tuệ tứ tuệ, hai là Tu trị nghiệp địa, ba là ba Duyên bất cộng ngoại đạo tuệ”, là tiếp theo dưới ba loại sau, cho nên chính là xứ pháp.

“Bốn quả thanh tịnh”, là tiếp theo bốn xứ sau không sinh phiền não, là năm quả thanh tịnh, Tứ thiền tịch tĩnh giải thoát, đặc Vô sắc định và nhập Diệt định, Diệt định là Tịch tĩnh giải thoát. “Chín quả”, tức là ba quả đầu trong bốn quả của Sa-môn và sáu thần thông. “Không lấy quả thứ tư”, tức là Lưu tận thông. Văn tổng kết ở dưới có năm chữ “cho nên”. “Bất định địa thanh tịnh”, tức là đoạn bốn Bất định địa thanh tịnh ở trước, là hủy phạm giới... “Địa thanh tịnh là Tác ý như vậy”, là cõi dưới chứng Hỷ lạc, cho đến “hiểu rõ vô thường... mà nhiếp thanh tịnh”, là nương vào ba xứ Tăng thượng tâm... mà nhiếp tất cả pháp Bồ-đề phần, hai câu sau có thể biết.

“Ma-ha Câu-sắc-sĩ-la”, Cự dịch là Ma-ha Câu-hy-la. Luận này dịch Ma-ha là Đại, Câu-sắc-sĩ là Đổ, La là Trì, tức là Đại Đổ Trì, là câu của ngài Xá-lợi-phất, là Trưởng tử Phạm chí. Trong Đổ (cái bụng) có nghĩa là Tam tạng, là trì giữ nghĩa Tam tạng cho nên gọi là Đại Đổ Trì.

“Tuệ giải thoát và tâm giải thoát, mỗi mỗi đều thông với Lưu và Vô lậu”, đây là một đoạn văn kinh, trong luận này gọi là Thế gian và Tuệ, trước hết đem ra để thuyết minh tâm giải thoát của Tuệ hữu lậu, kế đó là thuyết minh tâm giải thoát của Tuệ vô lậu.

Từ câu “trong đây nương vào Tuệ giải thoát” trở xuống, cho đến câu “tức là sức tăng thượng của Tuệ giải thoát” trở lên, là thuyết minh tâm giải thoát của Tuệ hữu lậu.

Từ câu “chỗ tu hành của Tuệ xuất thế gian” trở xuống, là thuyết minh tâm giải thoát của Tuệ vô lậu Tuệ, ngay câu thứ nhất thuyết minh Hữu lậu, trong luận này thì nương vào câu “Tuệ giải thoát” trở xuống, cũng nương vào câu “tâm giải thoát” trở lên, thuyết minh về Tuệ, cũng nương vào câu “tâm giải thoát” trở xuống để thuyết minh về tâm. Ngay trong thuyết minh Tuệ, trước hết là thuyết minh cảnh của Tuệ, từ câu “Thế tánh kia” trở xuống là thuyết minh về Thế, có thể hiểu. Ngay trong thuyết minh tâm giải thoát cũng vậy, trước hết thuyết minh chỗ nhiễm và tịnh của tâm, kế đó thuyết minh quả của tâm giải thoát, là cũng nương vào câu “tâm giải thoát” trở xuống, cho đến “có thể nắm lấy để phân biệt”, là thuyết minh chỗ nhiễm tịnh của tâm, tức là cảnh giới của Sắc... Từ câu “tâm năng thủ là Tuệ của thế gian kia và quả tâm giải thoát” trở xuống, cho đến “tức là sức tăng thượng của Tuệ giải



thoát”, thuyết minh quả tâm giải thoát, là do sức Tuệ thế gian trước kia, tâm đó ở trong Tương ứng trói buộc và Duyên trói buộc mà ra khỏi. Tương ứng là tương ứng trói buộc, Tương tạp là duyên trói buộc. Lại nữa, Tương ứng là đồng thời khởi Hoặc, Tương tạp là trước và sau xen tạp mà sinh, đây là quả của thế gian tâm giải thoát, có thể không nhiễm Tương ứng và sinh gián đoạn, nhưng không phải lìa Duyên trói buộc... nếu lìa thì tức là quả của Vô lậu tâm giải thoát. Tuệ tâm vô lậu giải thoát cũng có hai loại là Trị cảnh và Quả tướng.

**Luận ghi:** “Lại nữa, Quả tướng chánh kiến của xuất thế gian, phải biết rằng trước sau đều là Thường” trở xuống, thuyết minh Vô vi là quả Chánh kiến cho nên nói là Thường. Từ câu “hoặc là Sở trị của pháp” trở xuống, là lựa riêng với Hữu vi không phải Thường, có nhiều giải thích:

1. Hoặc là pháp, tức là gọi chung tất cả pháp.

“Nếu Sở trị đã có sinh rồi mà không có diệt”, là Hoặc của Sở trị, nếu có Vô gián đạo đã sinh rồi, thì cùng với Hoặc đồng thời không diệt.

“Nếu Sở trị đã không có diệt mà có sinh”, là Hoặc của Sở trị, nếu không có Vô gián đạo thì cùng với Hoặc đồng thời diệt rồi, có Giải thoát đạo sinh khởi, thì Sở trị và Năng trị này có diệt có sinh, phải biết có chỗ đối đãi thì không phải Thường.

2. Pháp, là pháp của Đạo đế. Từ câu “Sở trị nếu có”, là trước tâm Kim cương, cho đến “Kiến đạo” trở lại, là Hoặc cũng còn, gọi là Sở trị còn. Đạo... từ tâm Kim cương trở về trước, gọi là sinh rồi mà không diệt, vì niệm niệm khởi, thì hiện tại có thể khởi, sau tâm Kim cương thì tất cả Hoặc không có, gọi là Sở trị. Nếu không có Sở đắc trở về trước, Đạo diệt rồi trở về sau, thì Đạo viên Mãn quả sinh khởi, nói là đã diệt rồi thì có sinh, Đạo đế này có sinh diệt cho nên gọi là Phi thường, Vô vi thì không phải như vậy cho nên là Thường, đây là chỉ lựa riêng với Đạo đế. Nếu giải thích từ khi chưa khởi tâm Kim cương về trước... thì Đại thừa hoặc là đắc Bất câu (không đồng thời). Như thế nào là Sở trị đã có sinh rồi? Là không có Hoặc của Diệt đạo đồng thời. Trong các Thọ và trong nhân duyên, Xúc là nhân duyên của Ái, duyên nó thì khởi Ái, Thủ... cho nên sau đó thì có sinh.

**Luận ghi:** “Lại nữa, pháp kia xen tạp mà tương ứng, cho nên pháp kia có thể nương vào tâm pháp thanh tịnh, phải biết là không phải chỗ nhiễm ô của duyên hiện tại khiến cho thọ các pháp kia”, đây là giải thích nghĩa quả của Chánh kiến không khác nhau.

**Luận ghi:** “Sáu tịch tĩnh”, tức là ba thời Viễn ly xuất tâm, và ba

thời Thân cận xuất tâm tịch tĩnh. “Do Thức thanh tịnh chìm lắng mà bình đẳng, không phải do Sở y kia bình đẳng mà bình đẳng”, đây là giải thích ứng dụng thù thắng trong Diệt định, là Diệt định đồng thời, Thức Vô lậu thanh tịnh chìm lắng mà bình đẳng, không do Hữu tâm định của Tiền phương tiện cùng với thân Sở y của Diệt định bình đẳng, cho nên gọi là Diệt định.

3. Hạnh và Bất hạnh, là nếu xuất Định thì trước hết khởi tâm hạnh, kế đó khởi thân hạnh, sau cùng là khởi ngữ hạnh, hiện tại không có Định, ông không nên trong Hữu tâm định mà có các pháp thân hạnh... trong kinh Nhân Duyên ghi: “Hiểu rõ Sở trị”, là vì hiểu rõ Ái nhiễm cho nên sau đó có sự không ưa thích, vì hiểu rõ Kiến nhiễm cho nên không thể chứng.

“Vì đối trị ba loại tạp nhiễm cho nên kiến lập ba Uẩn”, một là Giới uẩn, hai là Định uẩn, ba là Tuệ uẩn, tức là lấy ba uẩn này mà nhiếp tám Chánh đạo.

“Hiểu rõ chỗ y chỉ có bốn loại”, một là Có thể hiểu; hai là Tướng, là thể tướng của Định, tướng là tánh; ba là Sở duyên, tức là cảnh của Định. Nhân duyên thành biện tức là nhân duyên của Định, cũng nói Định là hoàn thành các nhân duyên công đức. “Công đức liễu giải là Diệt định”, cho đến “có năm loại này”, là Diệt sự, tức là thể và dụng của Định không tương ưng, tâm chán và công năng của chủng tử là thể của Diệt sự. “Vì Tịch tĩnh tương tự với Ảnh tượng”, tức là biết Định là giả có, không phải có thật thể, chỉ là tương tự Ảnh tượng.

4. Định này nếu muốn nhập thì duyên Niết-bàn, Niết-bàn là pháp chân Tịch tĩnh, Định cùng với Niết-bàn tương tự. Ảnh tượng của Tịch tĩnh, đây tức là Diệt định, tuy là Hữu vi, nhưng vì tương tự Niết-bàn cho nên gọi là Ảnh tượng. Tám loại quán tướng, tức là như Bản Địa phần cuối quyển 8, cũng như cuối quyển 53 nói, trong đây thì nói tương đối, tức là đối với Khổ thọ mà nói là Lạc thọ, không phải Lạc thọ thì cũng không phải là Khổ, điều này có ba loại tương đối, như quyển 56 nói về Tương Đối, hãy xem nó.

“Miên triền”, là thuyết minh do Miên mà nhập Định, cho nên nói là Miên triền.

Năm loại tướng Đối trị:

1. Xa lìa tướng ám tối.
2. Đến đạo lý Gia hạnh.
3. Hại chư Kiến.
4. Công dụng của chư Kiến.

### 5. Công dụng Sở y của chư Kiến.

Loại thứ nhất là lia tướng ám tối mà tu quang minh; loại thứ hai là duyên cảnh giới thanh tịnh mà trừ Hôn trầm; loại thứ ba tổn hại chư Kiến, không khởi Kiến thủ... loại thứ tư là công dụng của chư Kiến, có thể sinh các ác hạnh, có thể sinh sáu mươi hai Kiến, luận này đối trị sáu mươi hai kiến chấp này; loại thứ năm là công dụng chỗ dựa của Kiến, tức là công đức của Kiến.

Năm loại gìn giữ Định pháp:

1. Xa lia, là Định xa lia phiền não.  
2. Xứ xa lia, là nơi chỗ tu Định, và thuận theo ngôn giáo của Định.

3. Thuận với vật dụng của tâm vô nhiễm, tức là Biên tế ngoại cụ.

4. Từ câu “người có trí” trở xuống.

5. Từ câu “đối với các thế gian” trở xuống.

Lại nữa, giải thích về Viễn ly:

1. Viễn ly xứ sở.

2. Thuận tâm vô nhiễm.

3. Từ câu “có khổ” trở xuống.

4. Từ câu “đối với các Đẳng trì” trở xuống.

Trong loại thứ năm trên phân làm hai loại, thì Vô lậu hạnh làm loại thứ năm.

“Cõi xuất ly” dưới đây, là ba người, mỗi mỗi người đều tu một hạnh tướng, như ba chữ dưới đây. Thời gian, người và pháp, hợp chung lại nói, cho nên có sáu loại. Cõi xuất ly này tức là Niết-bàn, tức là sáu pháp tùy thuận Niết-bàn, gọi là sáu pháp tu. Lại nữa, giải thích ba người hành sáu hạnh, thì sáu hạnh là sáu xuất ly, là người thứ nhất tu bốn hạnh, hai người còn lại mỗi người tu một hạnh, là đối với Oán hạnh thì tu Từ, đối với Ác hạnh thì khởi Bi, đối với Tịnh hạnh thì khởi Hỷ, đối với Ân hạnh thì khởi Xả, đều gọi là chúng sinh duyên Định, bốn đoạn này tổng hợp làm một, vì chúng sinh duyên Định đồng nhau. Thứ hai là Pháp duyên định, là người thiện căn Giải thoát phần. Thứ ba là tu Đế quán, là người thiện căn Quyết trạch phần, lấy pháp làm thuận với quả của Niết-bàn, cho nên có sáu loại, tuy nêu ra ba hạng người, vì pháp có ba Hạnh, nhưng duyên Cảnh thì có loại khác nhau cho nên có sáu pháp thuận.

-----

